

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2020**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 26

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.999.550.796.912	1.802.743.291.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	336.556.912.895	223.627.139.409
1. Tiền	111		240.783.524.813	132.671.798.360
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.773.388.082	90.955.341.049
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		230.678.445.300	215.075.298.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	55.315.014.659	53.998.597.559
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(43.871.569.359)	(43.367.299.359)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	219.235.000.000	204.444.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.040.807.865.156	1.037.106.406.073
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	276.006.171.587	155.221.684.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	513.653.230.401	503.721.305.828
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.413.884.169.169	1.442.484.169.169
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	2.767.598.446.861	2.970.820.527.057
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.937.861.095.246)	(4.042.641.586.956)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		7.526.942.384	7.500.306.576
IV. Hàng tồn kho	140		362.530.660.630	294.829.940.872
1. Hàng tồn kho	141	11	367.385.028.192	299.684.308.434
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.854.367.562)	(4.854.367.562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.976.912.931	32.104.507.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.155.294.481	8.694.049.026
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.597.641.492	11.320.529.756
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		14.223.976.958	12.089.928.265
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.039.805.036.261	2.461.120.445.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		386.085.730.436	382.662.170.596
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	906.052.163.234	906.052.163.234
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	11.689.787.327	8.266.227.487
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(531.656.220.125)	(531.656.220.125)
II. Tài sản cố định	220		770.162.953.751	1.167.022.867.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	707.339.240.393	1.102.636.692.828
- Nguyên giá	222		1.018.284.526.906	1.660.440.808.972
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(310.945.286.513)	(557.804.116.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227		62.823.713.358	64.386.174.376
- Nguyên giá	228		73.226.571.231	75.613.326.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.402.857.873)	(11.227.152.354)
III. Bất động sản đầu tư	230		41.992.631.735	42.964.183.625
1. Nguyên giá	231		50.952.499.193	50.952.499.193
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.959.867.458)	(7.988.315.568)
VI. Tài sản dở dang dài hạn	240		211.819.055.571	211.626.024.387
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	211.819.055.571	211.626.024.387
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		172.270.028.535	214.571.025.240
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	134.564.701.004	129.083.888.950
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	63.853.700.000	121.046.900.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.148.372.469)	(35.559.763.710)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		457.474.636.233	442.274.174.937
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	397.450.405.897	365.189.022.837
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		73.422.139	215.792.339
3. Lợi thế thương mại	269	17	59.950.808.197	76.869.359.761
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.039.355.833.173	4.263.863.737.590

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Mẫu số B01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.844.112.598.835	3.503.068.696.033
I. Nợ ngắn hạn	310		1.637.913.098.348	2.188.035.174.785
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		56.188.384.227	58.522.790.437
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	266.811.109.312	286.388.329.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	229.965.939.866	181.813.945.792
4. Phải trả người lao động	314		21.306.732.570	16.132.619.291
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	186.179.502.251	190.055.194.729
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	250.891.488.153	10.975.581.330
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	616.089.582.455	894.592.052.225
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	-	543.719.935.395
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.480.359.514	5.834.726.319
II. Nợ dài hạn	330		1.206.199.500.487	1.315.033.521.248
1. Phải trả người bán dài hạn	331		3.922.928.954	3.922.928.954
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	37.397.910.222
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	289.440.290.043	296.079.834.014
4. Phải trả dài hạn khác	337	22	696.345.187.047	730.418.889.411
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	153.301.588.029	160.031.166.911
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		63.189.506.414	87.182.791.736
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.195.243.234.338	760.795.041.557
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	1.195.243.234.338	760.795.041.557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.286.825.482	1.286.825.482
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.000)	(10.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		110.825.390.670	110.830.404.280
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		14.345.072.839	14.345.072.839
6. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối	421		(2.667.537.315.273)	(2.843.054.810.652)
- Lợi nhuận chưa phân phối / Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.162.210.080.011)	(2.917.679.776.590)
- Lợi nhuận chưa phân phối / Lỗ lũy kế kỳ này	421b		494.672.764.738	74.624.965.938
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		736.323.270.620	477.387.559.608
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.039.355.833.173	4.263.863.737.590

 

Người lập
Phạm Tiến Thành

Kế toán trưởng
Vũ Xuân Dương

 

Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Dung

Tổng Giám đốc
Lò Hồng Hiệp

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	148.334.634.163	90.004.035.739
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	53.246.928.451	93.745.902.470
Các khoản dự phòng	03	(16.159.569.241)	13.113.607.703
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.100.510.682)	(35.077.636.497)
Chi phí lãi vay	06	27.677.693.394	79.761.871.223
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	207.999.176.085	241.547.780.638
Thay đổi các khoản phải thu	09	(113.606.910.555)	117.456.615.174
Thay đổi hàng tồn kho	10	(67.700.719.758)	(18.448.760.380)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	133.371.027.796	(64.001.936.204)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(29.064.485.747)	14.014.659.782
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.117.216.806)	(79.625.900.417)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.572.830.470)	(10.551.704.008)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	68.053.393	(3.988.697.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115.376.093.938	196.402.056.926
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.475.477.199)	(10.736.013.923)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	394.545.455	972.873.748
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(180.949.250.242)	(11.521.407.302)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	164.841.833.142	15.987.997.246
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(118.333.911.600)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.976.304.899	49.205.000.000
7. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.495.302.375	18.605.836.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.283.258.430	(55.819.625.333)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.729.578.882)	(72.418.913.389)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(21.970.496.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.729.578.882)	(94.389.409.463)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	112.929.773.486	46.193.022.130
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	223.627.139.409	365.783.831.175
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	336.556.912.895	411.976.853.305

Người lập
Phạm Tiến Thành

Kế toán trưởng
Vũ Xuân Dương

Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Dung



Tổng Giám đốc
Lô Hồng Hiệp

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017634 ngày 31 tháng 5 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 0102278484 ngày 07 tháng 06 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OGC.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh sản giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Kinh doanh trung tâm thương mại;
- Kinh doanh khách sạn và dịch vụ;
- Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc Công ty:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh
- Văn phòng đại diện tại Tầng 3 Tòa nhà VNT 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tại ngày 30/09/2020, Công ty có 5 công ty con, gồm:

- Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long
- Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Thiên nhiên Đại Dương
- Công ty Cổ phần Sở giao dịch hàng hóa INFO (i)
- Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản TKD Việt Nam (i)

Tại ngày 30/09/2020, Công ty có 1 công ty liên kết, gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang (ii)

(*) Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH có 5 công ty con, gồm:

- Công ty Cổ phần Tân Việt
- Công ty Cổ phần Bánh Givral
- Công ty Cổ phần Viptour Togi
- Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang

Và 01 công ty liên kết, gồm:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (iii)

(i): Ngày 16/8/2019, HĐQT OGC đã có nghị quyết thông qua chủ trương giải thể và giao cho người đại diện phần vốn tại các Công ty này thực hiện đề xuất các phương án giải thể tới các Chủ sở hữu/Cổ đông theo đúng trình tự và quy định của Pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(ii): Ngày 16/9/2019, HĐQT OGC đã có Nghị quyết thông qua chủ trương thoái toàn bộ vốn đầu tư của OGC tại Công ty này.

(iii): Trong quý I/2020, OCH đã thực hiện thoái vốn toàn bộ tại Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ và thoái vốn một phần tại Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư theo các Nghị quyết HĐQT. Hiện tại, Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư là công ty liên kết của OCH.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán: Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán bằng phần mềm trên máy vi tính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành;

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán mà Công ty xác định quyền sở hữu chỉ là tạm thời và Công ty sẽ chuyển nhượng các chứng khoán này trong tương lai gần.

Các khoản cho vay là các khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho các đối tác, có chi phí sử dụng vốn từ 10%/năm đến 13%/năm, có thời hạn từ 6 tháng đến 01 năm kể từ ngày bắt đầu.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tại từng thời điểm về khả năng thu hồi của các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dư phải thu dài hạn của Công ty tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2020 là khoản tiền ứng trước cho nhà cung cấp để thực hiện các dự án bất động sản trong các năm tiếp theo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây lắp và phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2020
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền thuê đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2020
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, trung tâm thương mại và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng, trung tâm thương mại thể hiện số tiền thuê văn phòng, trung tâm thương mại đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng, trung tâm thương mại trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác là công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Đối với các bất động sản mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng mua bán bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng mua bán bất động sản, chia sẻ lại cho nhà đầu tư khác phần bất động sản đã ký hợp đồng mua bán và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng, công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chưa chắc chắn về khoản lợi nhuận mang lại trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	63.806.610.505	18.405.529.549
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	176.976.701.666	114.152.951.232
Tiền đang chuyển	212.642	113.317.579
Các khoản tương đương tiền	95.773.388.082	90.955.341.049
	336.556.912.895	223.627.139.409

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh	55.315.014.659	53.998.597.559
Công ty Cổ phần đầu tư PVR Hà Nội	50.427.000.000	50.427.000.000
Công ty Cổ phần Fafilm thành phố Hồ Chí Minh	3.571.425.000	3.571.425.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương	172.559	172.559
Đầu tư chứng khoán khác	1.316.417.100	-
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	219.235.000.000	204.444.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	219.235.000.000	204.444.000.000
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	63.853.700.000	121.046.900.000
Công ty Cổ phần Tài chính và Đầu tư Gia Phát	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	4.423.700.000	11.616.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	11.430.000.000	11.430.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông TVShopping	11.250.000.000	11.250.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Linh	11.220.000.000	11.220.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.530.000.000	1.530.000.000

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Robot Tosy	28.283.010.000	28.283.010.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	20.635.963.722	20.635.963.722
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nhà	12.015.448.545	12.015.448.545
Cửa hàng 236 Khánh Hội	1.087.893.452	4.176.429.151
Cửa hàng 35 Cộng Hòa	6.943.291.211	11.517.868.992
Các khách hàng khác	207.040.564.657	78.592.963.989
	276.006.171.587	155.221.684.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	181.608.284.269	181.608.284.269
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành An	144.000.000.000	144.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư-Viptour	38.567.900.000	40.600.000.000
Các đối tượng khác	149.477.046.132	137.513.021.559
	513.653.230.401	503.721.305.828
b. Dài hạn		
Công ty TNHH VNT	528.016.082.500	528.016.082.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn Tài chính Liên Việt	145.000.000.000	145.000.000.000
Các đối tượng khác	233.036.080.734	233.036.080.734
	906.052.163.234	906.052.163.234

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà	480.782.169.169	480.782.169.169
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	380.500.000.000	380.500.000.000
Công ty TNHH Gió Hát	199.001.000.000	199.001.000.000
Công ty TNHH Thương Mại và Du Lịch Tràng tiền Nha Trang	162.200.000.000	162.200.000.000
Công ty Cổ phần Bảo Linh	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Nguyên	69.000.000.000	69.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH VNT	-	28.600.000.000
Công ty Cổ phần Robot Tosy	6.000.000.000	6.000.000.000
Khác	1.401.000.000	1.401.000.000
	1.413.884.169.169	1.442.484.169.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	672.814.500.000	672.814.500.000
Công ty TNHH VNT	299.153.878.678	518.716.659.258
Công ty Cổ phần Bình Dương Xanh	270.150.000.000	270.150.000.000
Chi phí sử dụng vốn từ các hợp đồng hỗ trợ vốn	140.826.522.947	140.826.522.947
Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Đầu tư Việt Nam	56.768.170.073	56.768.170.073
Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng	35.515.056.108	35.515.056.108
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	28.002.299.999	28.002.299.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất	10.010.000.000	10.010.000.000
Ông Hà Trọng Nam	586.131.347.928	586.131.347.928
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	56.794.444.446
Khoản tiền phong tỏa tại Chi cục Thi hành án TP Hội An	-	21.027.308.400
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Tài sản Trảng An	21.106.666.666	21.106.666.666
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Liên Việt	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang	35.552.260.551	35.552.260.551
Thu hồi chi phí Dự án "Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Khách sạn" tại TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	13.430.526.399	20.705.974.399
Tạm ứng cho nhân viên	53.698.836.990	43.151.595.929
Phải thu ứng tiền cho các cá nhân tại Công ty Viptour - Togi	99.440.000.000	99.440.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	348.203.936.076	314.107.720.353
	2.767.598.446.861	2.970.820.527.057
b. Dài hạn		
Các đối tượng khác	11.689.787.327	8.266.227.487
	11.689.787.327	8.266.227.487

11. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.170.139.506	33.737.523.449
Công cụ, dụng cụ	1.607.804.102	1.484.841.969
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	251.749.601.062	255.886.347.609
- Dự án Saigon Airport	218.050.543.033	217.728.852.580
- Các dự án, công trình khác	33.699.058.029	38.157.495.029
Thành phẩm tồn kho	89.880.903.866	1.433.010.419
Hàng hóa	8.976.579.656	7.142.584.987
	367.385.028.192	299.684.308.434

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2020
đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2020

Mua trong kỳ

Thanh lý công ty con

Tại ngày 30/09/2020

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2020

Trích khấu hao trong năm

Thanh lý công ty con

Tại ngày 30/09/2020

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2020

Tại ngày 30/09/2020

Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.349.692.689.013	260.386.750.542	39.166.697.351	928.046.735	10.266.625.331	1.660.440.808.972
170.908.360	1.311.421.400	2.193.065.455	212.280.000	298.770.800	4.186.446.015
(526.557.851.083)	(107.393.085.241)	(9.553.496.184)	(264.232.926)	(2.574.062.647)	(646.342.728.081)
823.305.746.290	154.305.086.701	31.806.266.622	876.093.809	7.991.333.484	1.018.284.526.906

351.535.177.761	176.413.393.860	21.433.505.087	912.068.677	7.509.970.759	557.804.116.144
23.173.694.366	8.683.947.383	2.826.554.930	67.089.850	605.538.468	35.356.824.997
(195.020.300.334)	(78.910.729.542)	(6.204.894.164)	(264.232.922)	(1.815.497.666)	(282.215.654.628)
179.688.571.793	106.186.611.701	18.055.165.853	714.925.605	6.300.011.561	310.945.286.513

998.157.511.252	83.973.356.682	17.733.192.264	15.978.058	2.756.654.572	1.102.636.692.828
643.617.174.497	48.118.475.000	13.751.100.769	161.168.204	1.691.321.923	707.339.240.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Starcity Westlake Hanoi	171.184.160.168	171.184.160.168
Dự án Licogi 19	13.731.265.507	13.575.305.115
Các công trình khác	26.903.629.896	26.866.559.104
	211.819.055.571	211.626.024.387

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	Hải Dương	59,85	59,85	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Hà Nội	94,00	99,99	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên thiên nhiên Đại Dương	Hà Nội	69,00	69,00	Trồng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ
4	Công ty Cổ phần Sàn giao dịch hàng hóa INFO	Hà Nội	85,00	85,00	Sàn giao dịch hàng hóa
5	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản TKD Việt Nam	Hà Nội	98,00	98,00	Kinh doanh bất động sản

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 như sau:

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	134.564.701.004	129.083.888.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	-	-
	134.564.701.004	129.083.888.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê dài hạn Trung tâm thương mại tại Làng Quốc tế Thăng Long	156.834.544.268	159.825.752.723
Chi phí thuê dài hạn Trung tâm thương mại Ninh Bình Plaza	75.100.909.155	76.782.272.784
Chi phí thuê dài hạn VNT Tower 19 Nguyễn Trãi	73.403.784.728	74.852.543.636
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Bình	4.389.492.083	4.470.778.973
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.721.675.663	49.257.674.721
	<u>397.450.405.897</u>	<u>365.189.022.837</u>

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	-	295.820.612
Công ty Cổ phần Tân Việt	1.284.664.340	2.646.658.757
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	997.751.717	1.247.189.646
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	20.989.628.446	26.756.117.888
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	116.682.526	466.730.101
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên	30.630.050.442	37.698.524.228
Công ty TNHH MTV Sao Hôm - Nha Trang	5.932.030.727	7.758.318.529
	<u>59.950.808.197</u>	<u>76.869.359.761</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Công ty TNHH VNT	220.000.000.000	220.000.000.000
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	9.138.999.824	19.473.114.299
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	13.705.514.600	13.705.514.600
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	6.630.600.000	6.630.600.000
Các đối tượng khác	17.335.994.888	26.579.100.368
	<u>266.811.109.312</u>	<u>286.388.329.267</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	30.692.029.411	2.860.446.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.238.057.898	5.568.927.941
Thuế nhà đất	103.270.990.858	103.053.529.090
Thuế thu nhập cá nhân	2.266.320.428	1.930.017.159
Các loại thuế khác	76.498.541.271	68.401.025.120
	<u>229.965.939.866</u>	<u>181.813.945.792</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí xây dựng trích trước	152.123.861.929	152.563.584.794
Các khoản trích trước khác	34.055.640.322	37.491.609.935
	186.179.502.251	190.055.194.729

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản	250.891.488.153	10.975.581.330
	250.891.488.153	10.975.581.330
b. Dài hạn		
Cho Công ty CP DVTM Tổng hợp Vincommerce thuê tài sản	211.905.876.472	216.127.888.317
Cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Nguyên thuê tài sản	72.859.090.983	74.572.546.526
Cho Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ An Thịnh thuê tài sản	4.633.458.655	4.719.659.607
Khác	41.863.933	659.739.564
	289.440.290.043	296.079.834.014

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	44.003.583.710	44.003.583.710
Công ty TNHH Pegasus Thăng Long	116.042.770.800	116.042.770.800
Cổ tức phải trả	4.232.450	4.232.450
Công ty TNHH VNT	72.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	6.131.655.786	6.131.655.786
Phải trả phạt do quá hạn hợp đồng	140.262.867.873	140.262.867.873
Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng	18.788.834.489	18.788.834.489
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	337.885.000.000
Khác	218.855.637.347	159.473.107.117
	616.089.582.455	894.592.052.225
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nội	220.500.000.000	220.500.000.000
Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Thần đồng	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Mạnh Hà	23.373.788.160	23.373.788.160
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	177.219.896.926	210.707.985.264
Công ty TNHH Gió Hát	70.067.483.056	70.067.483.056
Khác	5.184.018.905	5.769.632.931
	696.345.187.047	730.418.889.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	-	43.719.935.395
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	500.000.000.000
	<u>-</u>	<u>543.719.935.395</u>

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	153.301.588.029	160.031.166.911
	<u>153.301.588.029</u>	<u>160.031.166.911</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ Lũy kế)		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư tại ngày 01/01/2019	3.000.000.000.000		1.286.825.482	(10.000)		(10.000)	110.486.383.968		14.345.072.839		(2.869.182.617.207)		607.443.771.731		864.379.426.813	
Tăng vốn trong năm	-		-	-	-	-	-		-		-		17.800.000		17.800.000	
Lãi trong năm	-		-	-	-	-	-		-		74.624.965.938		8.046.560.159		82.671.526.097	
Chia cổ tức và phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-		-	-	-	-	387.338.061		-		(2.975.057.129)		(25.199.719.031)		(27.787.438.099)	
Điều chỉnh lợi ích do đầu tư thêm cổ phần, thoái vốn tại Công ty con và khác	-		-	-	-	-	(43.317.749)		-		(45.522.102.254)		(112.920.853.251)		(158.486.273.254)	
Số dư tại ngày 31/12/2019	3.000.000.000.000		1.286.825.482	(10.000)		(10.000)	110.830.404.280		14.345.072.839		(2.843.054.810.652)		477.387.559.608		760.795.041.557	
Lãi trong kỳ	-		-	-	-	-	-		-		81.100.928.051		74.985.031.007		156.085.959.058	
Điều chỉnh do thoái vốn, xác định lại tỷ lệ lợi ích tại công ty con và khác	-		-	-	-	-	-		-		94.264.523.627		182.926.664.283		277.191.187.909	
Tặng/ Giảm khác	-		-	-	-	-	(5.013.610)		-		152.043.701		1.024.015.722		1.171.045.814	
Số dư tại ngày 30/09/2020	3.000.000.000.000		1.286.825.482	(10.000)		(10.000)	110.825.390.670		14.345.072.839		(2.667.537.315.273)		736.323.270.620		1.195.243.234.338	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III năm 2020	Quý III năm 2019
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	226.904.852.280	460.268.439.651
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.067.858.003	126.337.441.775
Doanh thu khác	3.490.909	56.818.181
	234.976.201.192	586.662.699.607
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	1.651.955.864	168.959.334
	1.651.955.864	168.959.334

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III năm 2020	Quý III năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	98.396.111.939	199.502.478.464
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.743.241.732	76.213.788.114
Giá vốn khác	-	8.032.430.194
	113.139.353.671	283.748.696.772

28. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý III năm 2020	Quý III năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.373.568.232	3.113.305.378
Lãi chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, cổ tức được chia (*)	3.726.942.450	1.287.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá và Doanh thu tài chính khác	97.982.230	32.135.857
Doanh thu tài chính khác	285.145.478	67.529.496
	5.483.638.390	4.499.970.731

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III năm 2020	Quý III năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.742.521.752	41.917.759.557
Trích lập / (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	3.506.272.563	93.981.948
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ và Chi phí tài chính khác	21.732	1.594.611.865
	7.248.816.047	43.606.353.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. GIẢI TRÌNH CHÉNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ QUÝ III/2020 SO VỚI QUÝ III/2019

STT	CHỈ TIÊU	Quý 3		Chênh lệch	
		Năm nay	Năm trước	VND	%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	233.324.245.328	586.493.740.273	(353.169.494.945)	-60%
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	113.139.353.671	283.748.696.772	(170.609.343.101)	-60%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.184.891.657	302.745.043.501	(182.560.151.844)	-60%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	5.483.638.390	4.499.970.731	983.667.659	22%
5	Chi phí hoạt động tài chính	7.248.816.047	43.606.353.370	(36.357.537.323)	-83%
6	Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	872.676.237	2.195.527.931	(1.322.851.694)	-60%
7	Chi phí bán hàng	44.241.400.257	108.366.580.345	(64.125.180.088)	-59%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.341.124.007	40.848.218.646	(9.507.094.639)	-23%
9	Thu nhập khác	230.895.719	973.528.856	(742.633.137)	-76%
10	Chi phí khác	3.888.702.497	5.543.840.295	(1.655.137.798)	-30%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	43.709.865.973	116.619.389.802	(72.909.523.829)	-63%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.052.059.195	112.049.078.364	(71.997.019.169)	-64%
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.544.587.485	30.824.517.072	(19.279.929.587)	-63%
14	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(11.743.607)	(4.004.954)	(7.738.653)	
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.519.215.317	81.228.566.246	(52.709.350.929)	-65%

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2020 là 28,5 tỷ đồng giảm 52,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 là do những nguyên nhân chính như sau:

- 1) Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 3 năm 2020 giảm 353,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng mức giảm khoảng 60% chủ yếu là tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp tới các Công ty trong Tập đoàn kinh doanh về lĩnh vực khách sạn, du lịch và thực phẩm. Ngoài ra trong quý 1/2020, Công ty OCH (Công ty con của OGC) đã thoái hoàn toàn vốn tại Công ty CP Khách sạn Suối Mơ và một phần vốn tại Công ty CP Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư nên không hợp nhất kết quả kinh doanh như cùng kỳ năm trước.
- 2) Chỉ tiêu giá vốn hàng bán cũng giảm khoảng 170,6 tỷ đồng do những thay đổi tương ứng với việc giảm doanh thu trên đây.
- 3) Chi phí bán hàng giảm 64,1 tỷ đồng do những thay đổi tương ứng với việc giảm doanh thu, giá vốn nêu trên.
- 4) Chi phí tài chính trong kỳ là 7,2 tỷ đồng, giảm 36,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do quý 3/2019 Báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận lãi khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam của Công ty CP Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư - công ty con của Công ty OCH trong khi năm 2020 Báo cáo tài chính hợp nhất không ghi nhận do Công ty CP Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư không còn là công ty con của OCH. Ngoài ra, do tình hình dịch bệnh Covid-19, mặt bằng lãi suất cho vay năm 2020 cũng được điều chỉnh giảm để hỗ trợ doanh nghiệp.
- 5) Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong kỳ hoạt động SXKD của hệ thống các công ty quản lý khách sạn bị đình trệ do dịch Covid-19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 SO VỚI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

STT	CHỈ TIÊU	Lũy kế đến hết quý 3		Chênh lệch	
		Năm nay	Năm trước	VND	%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.530.065.271	1.009.128.554.699	(512.598.489.428)	-51%
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	303.800.507.910	561.618.377.298	(257.817.869.388)	-46%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.729.557.361	447.510.177.401	(254.780.620.040)	-56,9%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	277.498.595.804	34.844.890.950	242.653.704.854	696%
5	Chi phí hoạt động tài chính	28.284.080.611	81.505.087.293	(53.221.006.682)	-65%
6	Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	4.608.135.817	9.462.014.055	(4.853.878.238)	-51%
7	Chi phí bán hàng	78.109.221.457	151.463.786.711	(73.354.565.254)	-48%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	211.181.261.231	157.087.336.749	54.093.924.482	34%
9	Thu nhập khác	842.405.932	1.228.617.797	(386.211.865)	-31%
10	Chi phí khác	9.769.497.452	12.985.453.711	(3.215.956.259)	-25%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	157.261.725.683	101.760.871.653	55.500.854.030	55%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.334.634.163	90.004.035.739	58.330.598.424	65%
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.241.960.427	38.657.020.207	(22.415.059.780)	
14	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(23.993.285.322)	(24.250.379)	(23.969.034.943)	
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	156.085.959.058	51.371.265.911	104.714.693.147	204%

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2020 là 156,1 tỷ đồng tăng 104,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước là do những nguyên nhân chính như sau:

- 1) Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong 9 tháng đầu năm 2020 giảm 512,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng mức giảm khoảng 51% chủ yếu là tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng trực tiếp tới các Công ty trong Tập đoàn kinh doanh về lĩnh vực khách sạn, du lịch và thực phẩm. Ngoài ra trong kỳ, Công ty OCH (Công ty con của OGC) thoái hoàn toàn vốn tại Công ty CP Khách sạn Suối Mơ và một phần vốn tại Công ty CP Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư nên không hợp nhất kết quả kinh doanh như cùng kỳ năm trước.
- 2) Chỉ tiêu giá vốn hàng bán cũng giảm khoảng 257,8 tỷ đồng do những thay đổi tương ứng với việc giảm doanh thu trên đây.
- 3) Chi phí bán hàng giảm 73,3 tỷ đồng tương ứng mức giảm 48% do những thay đổi tương ứng với việc giảm doanh thu, giá vốn nêu trên.
- 4) Doanh thu tài chính tăng khoảng 242,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong kỳ Công ty OCH thoái vốn tại hai đơn vị âm vốn chủ sở hữu. Việc thoái vốn tại hai đơn vị này giúp Tập đoàn ghi nhận trong kỳ một khoản lợi nhuận tương ứng với các khoản lỗ đã ghi nhận trước đây.
- 5) Chi phí tài chính 9 tháng đầu năm 2020 là 28,2 tỷ đồng, giảm 53,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong năm 2019 Công ty đã trích trước lãi khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam tại Công ty CP Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư - công ty con của Công ty OCH và năm 2020, Công ty CP Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư không còn là công ty con của Công ty OCH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- 6) Khoản lãi từ công ty liên doanh, liên kết giảm 4,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do mức lãi Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội – Bắc Giang giảm so với cùng kỳ.
- 7) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 54,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do quý 2/2020, Công ty mẹ OGC trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán.
- 8) Thuế TNDN hoãn lại phát sinh cao hơn cùng kỳ năm trước là khoản phát sinh tại Công ty OCH tương ứng các khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư trên BCTC hợp nhất khi thoái vốn tại Công ty CP du lịch khách sạn Suối Mơ và Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư.
- 9) Các khoản thu nhập và chi phí khác biến động nhưng không có ảnh hưởng trọng yếu tới chỉ tiêu lợi nhuận kế toán của Công ty.

Từ số liệu báo cáo cho thấy, mặc dù kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh sụt giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2020 tăng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận tăng chủ yếu từ việc Công ty OCH thoái vốn tại hai công ty con trong quý 1, quý 2 năm 2020.



Người lập
Phạm Tiến Thành

Kế toán trưởng
Vũ Xuân Dương



Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Dung

Tổng Giám đốc
Lò Hồng Hiệp

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020